

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy
theo hệ thống tín chỉ ngành Kiểm toán và các đề cương chi tiết kèm theo**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 1058/QĐ-LDTBXH ngày 22/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 4177/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Lao động - Xã hội đào tạo trình độ đại học ngành Kiểm toán;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 828/QĐ-BGDĐT ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chuyển đổi tên và mã số các ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Lao động - Xã hội theo Thông tư số 24/TT-BGDĐT và Thông tư số 25/TT-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định số 955/QĐ-ĐHLĐXH ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường đại học Lao động - Xã hội về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Lao động - Xã hội theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành Kiểm toán và các đề cương chi tiết kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chương trình đào tạo và các đề cương chi tiết ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng trong Trường Đại học Lao động - Xã hội đối với các khóa tuyển sinh từ năm học 2022-2023.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trưởng phòng Kế toán - Tài chính, Trưởng khoa Kế toán, Giám đốc Cơ sở II, Giám đốc Cơ sở Sơn Tây và Trường các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- GĐ CSII, GĐ CSST;
- Lưu: VT, P. KH&HTQT.



Hà Xuân Hùng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành Kiểm toán

*(Ban hành theo Quyết định số 1428/QĐ-ĐHLDXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)*

NGÀNH: KIỂM TOÁN

MÃ NGÀNH: 7340302

I. THÔNG TIN CHUNG:

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **KIỂM TOÁN**
- Tên tiếng Anh: **AUDITING**

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy.

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân Kiểm toán
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Auditing

1.2. Mục tiêu đào tạo:

1.2.1. Mục tiêu tổng quát (Program general goals)

Đào tạo cử nhân kiểm toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; có kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến thức nền tảng và chuyên sâu về kiểm toán; có khả năng tổ chức và thực hiện các hoạt động kiểm toán tại các doanh nghiệp, các đơn vị công và các tổ chức khác, có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Đào tạo người học có kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, lý luận chính trị, pháp luật và quốc phòng – an ninh.

PO2: Đào tạo người học có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về lĩnh vực kiểm toán, có khả năng tổ chức và thực hiện các hoạt động kiểm toán tại các doanh nghiệp, các đơn vị công và các tổ chức khác.

PO3: Đào tạo người học có năng lực ứng dụng kiến thức để giải quyết các yêu cầu xử lý, cung cấp thông tin và ra quyết định trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.

PO4: Có kỹ năng hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến

chức năng kế toán, kiểm toán tại các đơn vị, tổ chức của nền kinh tế.

PO5: Có năng lực học tập, nghiên cứu, tự học, phát triển bản thân, linh hoạt, thích nghi với môi trường làm việc thay đổi.

PO6: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác nhằm thực hành nghề nghiệp và giải quyết các phát sinh liên quan đến chuyên môn đào tạo.

PO7: Có kỹ năng về tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, luôn tự tin khi tiếp cận với tri thức mới để điều chỉnh cách thức làm việc sao cho phù hợp với môi trường làm việc thực tế của nghề nghiệp, sử dụng được ngoại ngữ để phục vụ cho nhu cầu của công việc kiểm toán.

PO8: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu của nghề và đầy đủ sức khỏe để làm việc, có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, có năng lực lập kế hoạch, điều phối, đánh giá và cải tiến các hoạt động thuộc chuyên môn, có khả năng làm việc nhóm và phát huy trí tuệ tập thể.

PO9: Có ý thức tự học và rèn luyện để tích lũy thêm kiến thức, có khả năng học tập ở bậc học cao hơn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hay thông qua các khóa học để lấy các chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế.

1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

1.4. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Thực hiện theo Quyết định số: 1416/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22/7/2022 về việc ban hành Chuẩn đầu ra ngành Kiểm toán trình độ đại học của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	24	19,8
1.2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	36	29,8
1.3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	27	22,3
1.4	Kiến thức nền tảng rộng	24	19,8
1.4.1	Khoa học tự nhiên	7	5,8

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.4.2	Khoa học chính trị	11	9,1
1.4.3	Pháp luật	2	1,7
1.4.4	Tin học	4	3,3
1.5	Kiến thức khác ngành	2	1,7
1.6	Kiến thức đại cương khác	8	6,6
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	8	6,6
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
Tổng cộng:		121	100%

2.2. Khung chương trình

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành				24	24					
1.1.1	Các học phần bắt buộc			20	20					
1.1.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	3					
1.1.1.2	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	3					
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	Statistics Theory	2	2				TCC11122L TCC21122L	
1.1.1.4	LKTE1022H	Luật kinh tế	Economic law	2	2					
1.1.1.5	MARC0522H	Marketing căn bản	Marketing principles	2	2					
1.1.1.6	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	Money and Finance	2	2					
1.1.1.7	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance Management	3	3					
1.1.1.8	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	Financial Management in Public Sector	3	3				TCTT0122H NLK10122H	
1.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 2/4)			4	4					
1.1.2.1	KTLU1122H	Kinh tế lượng	Econometrics	2	2				ViMO0523H ViMO0523H TCB21222H TCC21122L XSTK1123L	
1.1.2.2	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	Corporate Culture	2	2					
1.1.2.3	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	Communication skills	2	2					
1.1.2.4	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	Risk Management	2	2					
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi				36	36					
1.2.1	Các học phần bắt buộc			33	33					
1.2.1.1	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	Accounting Principles 1	2	2					
1.2.1.2	NLK20122H	Nguyên lý kế toán 2	Accounting Principles 2	2	2				NLK10122H	
1.2.1.3	KTC10123H	Kế toán tài chính 1	Financial Accounting 1	3	3				NLK10122H	
1.2.1.4	KTC20123H	Kế toán tài chính 2	Financial Accounting 2	3	3				KTC10123H	

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.2.1.5	KTH10123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	Accounting in Public Sector 1	3	3				NLTK1322H	
1.2.1.6	KTH20123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	Accounting in Public Sector 2	3	3				KTH10123H	
1.2.1.7	KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	Principles of auditing	3	3				KTC20123H	
1.2.1.8	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	Internal control	2	2				LTTC0523H	
1.2.1.9	KTQT0123H	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	3	3				NLK10122H	
1.2.1.10	KTMA0123H	Kế toán máy	Computerized Accounting	3	3				KTC20123H	
1.2.1.11	KTTE0123H	Kế toán thuế	Tax Accounting	3	3				KTC20123H	1.2.1.9
1.2.1.12	PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	Financial Statement Analysis	3	3				TCDN0123H	1.2.1.8
1.2.2	Học phần tự chọn (chọn 1/3)			3	3					
1.2.2.1	KTNV0123L	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	Accounting for SMEs	3	3					
1.2.2.2	TCKT0123H	Tổ chức kế toán	Accounting structure	3	3				KTC20123H	
1.2.2.3	CMKT0123L	Chuẩn mực kế toán	Accounting Standards	3	3					
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ				27	27					
1.3.1	Các học phần bắt buộc			14	14					
1.3.1.1	CMKT0122L	Chuẩn mực kiểm toán	Auditing Standards	2	2					
1.3.1.2	KTB10123L	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	Audit of Financial Statements 1	3	3					
1.3.1.3	KTB20123L	Kiểm toán báo cáo tài chính 2	Audit of Financial Statements 2	3	3					
1.3.1.4	KTNB0123L	Kiểm toán nội bộ	Internal Audit	3	3				KTC20123H	
1.3.1.5	THBC0123L	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính	Auditing Practice	3	3					
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 1/3)			3	3					
1.3.2.1	KQTE0123H	Kế toán quốc tế	International ccounting	3	3				NLK10122H	
1.3.2.2	KTTĐ0123L	Kế toán tập đoàn	Accounting for Economic Group	3	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.3.2.3	TTKT0123H	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Information Systems	3	3				KTC20123H	
1.3.3	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	Final Internship	4	4			4		
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)			6	6		6			
1.3.4.1	KSQT0123H	Hệ thống kiểm soát quản trị	Management Control Systems	3	3				KTQT0123H	
1.3.4.2	KTHĐ0123L	Kiểm toán hoạt động	Operational Audit	3	3					
1.3.4.3	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	6			6			
1.4. Kiến thức nền tảng rộng				24	24					
1.4.1 Khoa học tự nhiên				7						
1.4.1.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	Advanced mathematics 1	2	2					
1.4.1.2	TCC21122L	Toán cao cấp 2	Advanced mathematics 2	2	2					
1.4.1.3	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Probability and Statistics	3	3					
1.4.2 Khoa học chính trị				11	11					
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác – Lênin	Marxist Leninist Philosophy	3	3					
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Marxist Leninist Political Economics	2	2					
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2					
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	2					
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	2	2					
1.4.3 Pháp luật				2	2					
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	General law	2	2					
1.4.4 Tin học				4	4					
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Basic informatics 1	2	2					
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Basic informatics 2	2	2					
1.5 Kiến thức khác ngành				2	2					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 1/4)			2						
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Text editor	2	2					
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Scientific research methodology	2	2					
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	Logic	2	2					
1.5.1.4	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	General psychology	2	2					
1.6 Kiến thức đại cương khác				19	19					
1.6.1 Ngoại ngữ				8	8					
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	2	2					
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	3	3				TAC10622H	
1.6.1.3	AKIT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kiểm toán	English for Auditing	3	3					
1.6.2. Giáo dục thể chất (3 TC - Chọn 3/10 HP)				3						
	Các học phần bắt buộc									
1.6.2.1	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	Gymnastics and Athletics	1		1				
	Các học phần tự chọn (2/6 HP)									
1.6.2.2	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	Volley ball 1	1		1				
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2	Volley ball 2	1		1				
1.6.2.4	BORI1421T	Bóng rổ 1	Basketball 1	1		1				
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2	Basketball 2	1		1				
1.6.2.6	CAL11421T	Cầu lông 1	Badminton 1	1		1				
1.6.2.7	CAL21421T	Cầu lông 2	Badminton 2	1		1				
	Các học phần dành cho sinh viên hạn chế về sức khỏe									
1.6.2.8	COV11421T	Cờ vua 1	Chess 1	1		1				
1.6.2.9	COV21421T	Cờ vua 2	Chess 2	1		1				
1.6.2.10	COV31421T	Cờ vua 3	Chess 3	1		1				
1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)				8						
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và	National defense and security	3	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
		an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	guidelines of Vietnam communist party							
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	National defense and security	2	2					
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	General military	1	1					
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Infantry combat techniques and tactics	2	2					
Tổng cộng				132	132					

2.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
1.1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	24								
1.1.1	Các học phần bắt buộc	20								
1	Kinh tế vi mô	3	3							
2	Kinh tế vĩ mô	3		3						
3	Nguyên lý thống kê	2			2					
4	Luật Kinh tế	2		2						
5	Marketing căn bản	2			2					
6	Tài chính - Tiền tệ	2			2					
7	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3					3			
8	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	3					3			
1.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 2/4 HP)	4								
9	Kinh tế lượng	2				4				
10	Văn hóa doanh nghiệp	2								
11	Kỹ năng giao tiếp	2								
12	Quản trị rủi ro	2								
1.2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	36								
1.2.1	Các học phần bắt buộc	33								
13	Nguyên lý kế toán 1	2		2						
14	Nguyên lý kế toán 2	2			2					
15	Kế toán tài chính 1	3				3				
16	Kế toán tài chính 2	3					3			
17	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	3					3			
18	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	3						3		
19	Kiểm toán căn bản	3				3				
20	Kiểm soát nội bộ	2				2				
21	Kế toán quản trị	3						3		
22	Kế toán máy	3						3		
23	Kế toán thuế	3							3	
24	Phân tích báo cáo tài chính	3							3	
1.2.2	Học phần tự chọn (chọn 1/3)	3								
25	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	3							3	
26	Tổ chức kế toán	3								
27	Chuẩn mực kế toán	3								

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
1.3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	27								
1.3.1	Các học phần bắt buộc	14								
28	Chuẩn mực kiểm toán	2					2			
29	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	3					3			
30	Kiểm toán báo cáo tài chính 2	3						3		
31	Kiểm toán nội bộ	3						3		
32	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính	3							3	
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 1/3)	3								
33	Kế toán quốc tế	3							3	
34	Kế toán tập đoàn	3								
35	Hệ thống thông tin kế toán	3								
1.3.3	Thực tập cuối khóa	4								
36	Thực tập cuối khóa	4								4
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)	6								
37	Khóa luận tốt nghiệp	6								6
38	Hệ thống kiểm soát quản trị	3								3
39	Kiểm toán hoạt động	3								3
1.4.	Kiến thức nền tảng rộng	24								
1.4.1	Khoa học tự nhiên	7								
40	Toán cao cấp 1	2	2							
41	Toán cao cấp 2	2		2						
42	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			3					
1.4.2	Khoa học chính trị	11								
43	Triết học Mác - Lênin	3		3						
44	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2			2					
45	Tư tưởng Hồ chí Minh	2	2							
46	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2							
47	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2				2				

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
1.4.3	Pháp luật	2								
48	Pháp luật đại cương	2	2							
1.4.4	Tin học	4								
49	Tin học cơ bản 1	2	2							
50	Tin học cơ bản 2	2		2						
1.5	Kiến thức khác ngành	2								
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 1/4)	2								
51	Soạn thảo văn bản	2			2					
52	Phương pháp luận NCKH	2								
53	Logic học	2								
54	Tâm lý học đại cương	2								
1.6	Kiến thức đại cương khác	8								
1.6.1	Ngoại ngữ	8								
55	Tiếng Anh cơ bản 1	2	2							
56	Tiếng Anh cơ bản 2	3		3						
57	Tiếng Anh chuyên ngành Kiểm toán	3				3				
1.6.2.	Giáo dục thể chất (3 TC)	3	2	1						
1.6.3	Giáo dục quốc phòng (165 tiết)	8	4	4						
	Tổng cộng (Chưa tính GDTC và GDQPAN)	121	15	17	15	17	17	15	15	10

2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:

1. Kinh tế vi mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý thuyết cung cầu về hàng hóa và dịch vụ; Độ co giãn; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất; Các cấu trúc thị trường.

2. Kinh tế vĩ mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như GDP, GNP, giá cả, lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt hay thặng dư thương mại,...

3. Nguyên lý thống kê

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau: Những vấn đề chung của Thống kê học; Thu Thập dữ liệu Thống kê; Tổng hợp Thống kê; Nghiên cứu đặc điểm, bản chất của hiện tượng kinh tế - xã hội; Phân tích hiện tượng KT-XH theo thời gian; Phân tích biến động của hiện tượng KT-XH bằng phương pháp chỉ số.

4. Luật kinh tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Địa vị pháp lý các chủ thể kinh doanh; Pháp luật về cạnh tranh trong kinh doanh; Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh; Pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

5. Marketing căn bản

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng phát triển và ứng dụng của Marketing trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing; Đặc tính và hành vi của khách hàng, phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường; Bốn công cụ chủ yếu trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chương trình marketing hỗn hợp.

6. Tài chính - tiền tệ

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản như: Tài chính và thị trường tài chính; Tiền tệ, lạm phát, lãi suất, tín dụng và tỷ giá hối đoái; Ngân hàng trung ương; Ngân hàng thương mại; Thanh toán qua ngân hàng thương mại.

7. Quản trị tài chính doanh nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: tổng quan về quản trị tài chính doanh nghiệp; quản trị tài sản ngắn hạn; quản trị tài sản dài hạn; nguồn huy động vốn trong doanh nghiệp; chi phí sử dụng vốn và cơ cấu nguồn vốn trong doanh nghiệp.

8. Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Tổng quan về tài chính công và tài chính của đơn vị hành chính - sự nghiệp; Lập dự toán trong đơn vị hành chính - sự nghiệp; Quản trị tài chính trong các đơn vị hành chính - sự nghiệp; Quyết toán nguồn kinh phí NSNN.

9. Kinh tế lượng

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp lượng hoá một mô hình kinh tế, hiểu cơ sở khoa học và kỹ thuật hồi quy đơn biến, đa biến; Giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong việc nghiên cứu và phân tích kinh tế.

10. Văn hóa doanh nghiệp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về văn hóa doanh nghiệp; Các yếu tố ảnh hưởng tới văn hóa doanh nghiệp; Các biểu hiện của văn hóa doanh nghiệp và các dạng văn hóa doanh nghiệp; Văn hóa trong các hoạt động kinh doanh; Xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp.

11. Kỹ năng giao tiếp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Kỹ năng giao tiếp cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản nhất về giao tiếp trong mối quan hệ giữa người với người: khái niệm, các đặc trưng cơ bản của giao tiếp, các yếu tố tham gia và chi phối cuộc giao tiếp, các phương thức tác động tâm lý trong giao tiếp.

12. Quản trị rủi ro

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần giới thiệu một cách khái quát về rủi ro và một số khái niệm có liên quan; quy trình quản trị rủi ro và các bước cần làm cho quy trình đó; các biện pháp để nhận dạng và đo lường rủi ro; các phương pháp phân tích tổn thất tiềm năng về tài sản, con người và trách nhiệm dân sự; các biện pháp để đối phó với rủi ro bao gồm kiểm soát rủi ro và tài trợ rủi ro.

13. Nguyên lý kế toán 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này mô tả những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán như khái niệm, bản chất, chức năng vai trò của kế toán, yêu cầu đối với thông tin kế toán, các nguyên tắc kế toán và phân loại đối tượng kế toán; Các phương tiện kế toán như Chứng từ kế toán, Tài khoản kế toán và Báo cáo kế toán.

14. Nguyên lý kế toán 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cụ thể về kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản dài hạn, kế toán nợ ngắn hạn, kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp.

15. Kế toán tài chính 1

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức về kế toán tài chính, gắn với hoạt động: vai trò và nhiệm vụ của kế toán, nguyên tắc kế toán, nội dung, yêu cầu, hình thức kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất; Kiến thức chuyên sâu về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

16. Kế toán tài chính 2

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức tổng quát và chuyên sâu về kế toán tài chính áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh như: Kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh; Kế toán đầu tư tài chính và hoạt động khác; Kế toán tài sản bằng tiền; Kế toán các khoản phải thu; Kế toán các khoản nợ phải trả; Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu; Lập và trình bày báo cáo tài chính.

17. Kế toán hành chính sự nghiệp 1

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán hành chính sự nghiệp: tổng quan về đơn vị hành chính sự nghiệp, nhiệm vụ và nội dung của kế toán, các quy định về chứng từ, tài khoản, sổ kế toán và hình thức kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp; kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định; kế toán thanh toán.

18. Kế toán hành chính sự nghiệp 2

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp: Kế toán tiền; Kế toán doanh thu, chi phí các hoạt động; Kế toán hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động; Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán.

19. Kiểm toán căn bản

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về nguyên lý kiểm toán, những hướng dẫn cụ thể qui trình và các bước để thực hiện một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính tại đơn vị được kiểm toán.

20. Kiểm soát nội bộ

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kiểm soát nội bộ, gắn với hoạt động: Tổng quan về kiểm soát nội bộ; Gian lận và biện pháp phòng ngừa gian lận; Khuôn

mẫu hệ thống kiểm soát nội bộ theo báo cáo của COSO; Kiểm soát nội bộ đối với các tài sản và các chu trình kinh doanh chủ yếu trong các doanh nghiệp.

21. Kế toán quản trị

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Kế toán quản trị và môi trường kinh doanh; Phân loại chi phí; Hệ thống hạch toán chi phí sản xuất; Hình thái chi phí; Phân tích chi phí – sản lượng – lợi nhuận; Chi phí biến đổi – công cụ của quản lý; Hạch toán chi phí theo hoạt động; Dự toán sản xuất kinh doanh; Chi phí phù hợp cho việc ra quyết định.

22. Kế toán máy

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về phần mềm kế toán; Khai báo các tham số và số dư đầu kỳ; Kế toán mua hàng, bán hàng; Kế toán hàng tồn kho, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng; Kế toán tiền lương, tài sản cố định, giá thành; Kế toán tổng hợp và xác định kết quả kinh doanh.

23. Kế toán thuế

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán thuế: vai trò và nhiệm vụ của kế toán thuế, các yếu tố cơ bản cấu thành một sắc thuế, kế toán thuế xuất nhập khẩu, kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt, kế toán thuế giá trị gia tăng, kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán thu nhập cá nhân và các sắc thuế khác.

24. Phân tích báo cáo tài chính

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về phân tích báo cáo tài chính; Diễn giải hệ thống báo cáo tài chính; Phân tích thanh khoản và khả năng thanh toán; Phân tích cấu trúc tài chính và khả năng thanh toán nợ dài hạn; Phân tích hiệu quả kinh doanh và khả năng sinh lời của công ty.

25. Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa gồm kế toán các yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh, kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh, các kiến thức cơ bản về báo cáo tài chính như khái niệm, mục đích và phương pháp lập các báo cáo tài chính. Học phần đề cập đến hệ thống pháp luật kế toán áp dụng trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đặc biệt học phần so sánh giữa chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (thông tư 133/2016) và doanh nghiệp lớn (thông tư 200/2014).

26. Tổ chức kế toán

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Khái quát chung về tổ chức kế toán; Tổ chức bộ máy kế toán; Lựa chọn hình thức sổ kế toán; Tổ chức kế toán TSCĐ; Tổ chức kế toán hàng tồn kho; Tổ chức kế toán chi phí nhân công và các khoản thanh toán với người lao động; Tổ chức kế toán quá trình sản xuất; Tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh; Tổ chức kế toán tiền và quy trình kiểm soát nội bộ tiền mặt; Tổ chức các hoạt động kế toán khác trong doanh nghiệp.

27. Chuẩn mực kế toán

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức về các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, bao gồm tổng quan về Chuẩn mực kế toán Việt Nam, nghiên cứu chuẩn mực về Báo cáo tài chính, tài sản, doanh thu, chi phí, thu nhập. Các chuẩn mực được nghiên cứu gồm: Chuẩn mực chung, chuẩn mực kế toán trình bày báo cáo tài chính, báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Chuẩn mực kế toán hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản vô hình, bất động sản đầu tư; Chuẩn mực kế toán doanh thu và thu nhập khác, chi phí đi vay. Các chuẩn mực liên quan tài sản, doanh thu, chi phí được nghiên cứu trên góc độ khái niệm, đo lường, ghi nhận và công bố thông tin,...

28. Chuẩn mực kiểm toán

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và chuẩn mực kiểm toán quốc tế, các nhóm chuẩn mực kiểm toán chung, nhóm chuẩn mực khi thực hiện kiểm toán, nhóm chuẩn mực kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo, các chuẩn mực kiểm toán khác liên quan đến các thông tin trong tài liệu có báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

29. Kiểm toán báo cáo tài chính 1

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về kiểm toán báo cáo tài chính, Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, Kiểm toán tiền, Kiểm toán nợ phải thu của khách hàng, Kiểm toán hàng tồn kho và giá vốn hàng bán.

30. Kiểm toán báo cáo tài chính 2

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Kiểm toán tài sản cố định và chi phí khấu hao; Kiểm toán nợ phải trả và vốn chủ sở hữu; Kiểm toán thu nhập và chi phí; Hoàn thành kiểm toán; Các dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán.

31. Kiểm toán nội bộ

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về Kiểm toán nội bộ, quy trình thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm toán nội bộ đối với các hoạt động chủ yếu trong các doanh nghiệp và tổ chức như hoạt động quản lý ngân quỹ và hoạt động thanh toán, mua hàng, hoạt động quản lý hàng tồn kho, hoạt động sản xuất, hoạt động marketing và bán hàng.

32. Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Cách thức vận dụng các phương pháp và thủ tục thực hiện kiểm toán các khoản mục và chỉ tiêu trên báo cáo tài chính như khoản mục tiền; nợ phải thu; hàng tồn kho và giá vốn hàng bán; tài sản cố định và chi phí khấu hao; nợ phải trả và vốn chủ sở hữu; thu nhập và chi phí....

33. Kế toán quốc tế

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên có cái nhìn toàn cảnh về một chu trình kế toán hoàn thiện trong doanh nghiệp theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, từ chứng từ, tài khoản, phương pháp hạch toán đến báo cáo kế toán; Học phần tập trung chủ yếu vào báo cáo tài chính, các phần hành kế toán hàng tồn kho, tài sản dài hạn, doanh thu, tiền, phải thu, phải trả.

34. Kế toán tập đoàn

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về tập đoàn kinh tế như lịch sử phát triển, khái niệm, đặc điểm và các loại tập đoàn kinh tế; Kiến thức cơ bản về hợp nhất kinh doanh như khái niệm, lý do hợp nhất, các hình thức hợp nhất, phương pháp kế toán hợp nhất kinh doanh, quy trình hợp nhất kinh doanh theo chuẩn mực Việt Nam; Trang bị cho sinh viên những kiến thức về báo cáo tài chính hợp nhất gồm khái niệm, nội dung, ý nghĩa, nguyên tắc và trình tự lập báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định hiện hành; Kiến thức về báo cáo bộ phận và thông tin về các bên liên quan đến tập đoàn.

35. Hệ thống thông tin kế toán

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về hệ thống thông tin kế toán; Đặc điểm các giao dịch và các công cụ mô tả hệ thống; Đạo đức, gian lận và kiểm soát nội bộ; Các vấn đề về hệ thống thông tin kế toán theo các chu trình kinh doanh chủ yếu; Hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo quản trị.

36. Thực tập cuối khóa

Số tín chỉ: 04 tín chỉ

Học phần này giúp người học tham gia vào hoạt động thực tế của ngành kiểm toán nhằm thực hành kỹ năng nghề nghiệp cũng như rèn luyện thái độ làm việc chuyên nghiệp. Đồng thời vận dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học để mô tả hoạt động thực tế tại đơn vị thực tập dưới hình thức Báo cáo thực tập tốt nghiệp.

37. Khóa luận tốt nghiệp:

Số tín chỉ: 06 tín chỉ

Học phần này giúp người học áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động của ngành kiểm toán. Kết thúc học phần, người học báo cáo kết quả nghiên cứu dưới hình thức Khóa luận tốt nghiệp.

38. Hệ thống kiểm soát quản trị

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản sau: Giới thiệu tổng quát về HTKSQT; Các nội dung thực hiện kiểm soát quản trị từ xây dựng chiến lược, hành vi tổ chức, hệ thống kế toán trách nhiệm, đo lường, phân tích, đánh giá...

39. Kiểm toán hoạt động

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về loại hình kiểm toán hoạt động và ứng dụng vào kiểm toán các hoạt động chủ yếu của một tổ chức. Học phần đề cập đến nội dung kiểm toán các hoạt động chủ yếu của một tổ chức nhằm đánh giá ba mục tiêu chính: tính kinh tế, tính hiệu quả và tính hiệu lực trên cơ sở đó định hướng đưa ra các đề xuất cải tiến, hoàn thiện các hoạt động.

40. Toán cao cấp 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vector và các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector; Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ và cơ sở của không gian con R^n ; Ứng dụng của đại số tuyến tính trong phân tích mô hình cân bằng cung cầu, mô hình cân đối liên ngành.

41. Toán cao cấp 2

Số tín chỉ : 02 tín chỉ

Học phần gồm 3 chương, chứa đựng các kiến thức cơ bản cần thiết của giải tích và một số ứng dụng trong kinh tế: Dãy số giới hạn của dãy số; hàm số một biến số, giới

hạn và tính liên tục; Đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số một biến số; Cực trị của hàm số một biến số; Ứng dụng của đạo hàm, tích phân trong phân tích kinh tế; Hàm số hai biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số; Hàm thuần nhất; Cực trị của hàm hai biến số; Ứng dụng của đạo hàm riêng, vi phân trong kinh tế học; Đạo hàm riêng cấp 2 và qui luật năng suất cận biên giảm dần; Hệ số co dãn; Hệ số thay thế.

42. Lý thuyết xác suất và Thống kê toán

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê toán. Học phần cũng giúp sinh viên giải quyết các bài tập xác suất và thống kê. Những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên học các môn học chuyên ngành về sau.

43. Triết học Mác - Lênin

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế- xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

44. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung học phần bao gồm 6 chương: chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

45. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh được cấu trúc thành 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân và vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

46. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm 5 chương: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); và Chương tổng kết.

47. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung học phần: Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là chương trình giảng dạy cho sinh viên trình độ đại học của trường Đại học Lao động - Xã hội gồm 7 chương, trình bày nội dung tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

48. Pháp luật đại cương

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Pháp chế xã hội chủ nghĩa.

49. Tin học cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở nhất để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel.

50. Tin học cơ bản 2

Số tín chỉ: 02

Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về CSDL (Database), CSDL quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.

51. Soạn thảo văn bản

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý luận chung về văn bản quản lý nhà nước; Kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt: Khái niệm, đặc điểm và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt; Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường.

52. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học.

53. Logic học

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng và ý nghĩa của logic học; Khái niệm; Phán đoán; Các quy luật cơ bản của logic hình thức; Suy luận; Chứng minh và bác bỏ; Giả thuyết.

54. Tâm lý học đại cương

Số tín chỉ: 02

Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

55. Tiếng Anh cơ bản 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu; Trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

56. Tiếng Anh cơ bản 2

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Cung cấp kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ giữa A2 trở lên theo chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

57. Tiếng Anh chuyên ngành Kiểm toán

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên các thuật ngữ, từ vựng thông dụng về tiếng Anh chuyên ngành Kiểm toán và ôn tập lại các dạng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh.

58. Bóng chuyền 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

59. Bóng chuyền 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức nâng cao về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

60. Bóng rổ 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng rổ như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

61. Bóng rổ 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Bóng rổ, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Bóng rổ một cách thuần thục hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

62. Cờ vua 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về:

- Nguồn gốc ra đời của môn cờ vua.
- Lịch sử hình thành, phát triển của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam
- Xu hướng phát triển, tác dụng của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam
- Giai đoạn tàn cuộc của ván đấu.
- Một số điều luật trong cờ vua.

63. Cờ vua 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về:

- Ôn tập nội dung chính của Cờ vua 1
- Giai đoạn khai cuộc của ván đấu.

- Một số điều luật trong cờ vua.

64. Cờ vua 3

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về:

- Ôn tập nội dung chính của cờ vua 2 và một phần cờ vua 1
- Giai đoạn trung cuộc của ván đấu.
- Một số điều luật trong cờ vua.

65. Cầu lông 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Cầu lông như: Cách cầm cầu, cách cầm vợt, các tư thế chuẩn bị cơ bản, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu thấp tay phải trái.

66. Cầu lông 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Cầu lông, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Cầu lông một cách thuần thực hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật di chuyển, Kỹ thuật giao cầu, Kỹ thuật đánh cầu cao sâu phải trái.

67. Thể dục – Điền kinh

Số tín chỉ: 01

Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận động về:

- Bài tập phát triển chung 13 động tác.
- Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng; Luật thi đấu môn nhảy cao.

68. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Số tín chỉ: 03

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

69. Công tác quốc phòng an ninh

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Phòng, chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù

địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, an ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống và vi phạm pháp luật trên không gian mạng ở Việt Nam.

70. *Quân sự chung*

Số tín chỉ: 01

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh: hiểu biết về lịch sử ra đời, truyền thống của các quân binh chủng trong quân đội; các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, các nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết và biết cách sử dụng bản đồ địa hình quân sự; hiểu biết về vũ khí công nghệ cao và cách phòng chống trong chiến tranh; rèn luyện và thi đấu ba môn quân sự phối hợp.

71. *Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*

Số tín chỉ: 01

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Tính năng, cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lựu đạn. Trình tự các bước thực hành ngắm bắn và trình tự các bước thực hành ném lựu đạn. Kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và cảnh giới.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng